

Số: 185 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kết luận số 279-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/9/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 22/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức tổng kết Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá toàn diện kết quả và tác động của 05 năm thực hiện Kết luận số 279-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/9/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 22/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025, Chỉ thị số 46-CT/TU ngày

27/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm; các Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025. Đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu triển khai thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 trong bối cảnh đang thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Động viên, khen thưởng những cá nhân và tập thể đạt được những thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

a) Các nội dung tổng kết, đánh giá phải bám sát Kết luận số 279-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chỉ thị số 12-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 46-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện các Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, mỗi xã một sản phẩm để đánh giá nghiêm túc, đúng thực tế, khách quan, rút ra những mặt đạt được, bài học kinh nghiệm; những mặt chưa đạt được và nguyên nhân.

b) Việc tổng kết phải tiến hành một cách toàn diện, đầy đủ, hiệu quả, tránh hình thức, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu. Các sở, ngành, địa phương tiến hành đúng trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, đánh giá cụ thể trong từng ngành, từng lĩnh vực.

II. NỘI DUNG, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP

1. Nội dung tổng kết: Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 đối với Chỉ thị, Kết luận của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trong Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

b) Kết luận số 279-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/9/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

c) Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 22/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025.

d) Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 27/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

đ) Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e) Kế hoạch số 7613/KH-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

g) Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025.

h) Đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2026-2030 đối với các Chương trình Mục tiêu quốc gia.

(Mốc thời gian báo cáo tổng kết từ năm 2021 đến tháng 05/2025, theo đề cương báo cáo đính kèm)

2. Thời gian và phương pháp

a) Đối với các sở, ban, ngành thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố Long Khánh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị lựa chọn hình thức phù hợp để tổ chức sơ kết ở cấp mình (*tổ chức hội nghị hoặc tổng kết qua báo cáo*), hoàn chỉnh báo cáo tổng kết gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*đồng gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp*) **trước ngày 25/5/2025**.

b) Đối với cấp tỉnh: UBND tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết 05 năm, dự kiến trước ngày **10/6/2025** (*Sẽ có Giấy mời sau*).

3. Khen thưởng: Lựa chọn những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Phong trào thi đua “*toàn tỉnh chung sức xây nông thôn mới*”, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp báo cáo tổng kết của các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương, tham mưu UBND tỉnh Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết Phong trào thi đua “*Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025; Phong trào thi đua “*toàn tỉnh chung sức xây nông thôn mới*”, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hướng dẫn khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; thẩm định thành tích của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

đ) Theo dõi tiến độ thực hiện tổng kết của các địa phương.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và môi trường xây dựng hướng dẫn khen thưởng các tập thể, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có thành tích trong Phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025; Phong trào thi đua “*toàn tỉnh chung sức xây nông thôn mới*” và Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hướng dẫn khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong chương trình Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp hồ sơ khen thưởng, tham mưu UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố

a) Đề nghị các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; tùy theo tình hình thực tế của địa phương, đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch tổng kết đảm bảo chất lượng, tiến độ thời gian quy định. Chuẩn bị nội dung tham luận, báo cáo tham luận gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày **25/5/2025** (*đính kèm chủ đề tham luận*).

b) Lựa chọn những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Phong trào thi đua “*toàn tỉnh chung sức xây nông thôn mới*”, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 trong 05 năm qua đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể tỉnh: Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về kết quả 05 năm thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Mục III (đơn vị thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN.

(Khoa/Khhoinghitk/16.5-290)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 05 năm thực hiện các Chương trình MTQG

(Kèm theo Kế hoạch số 185 /KH-UBND

ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành

2. Hoàn thiện hệ thống khung khổ pháp luật và văn bản hướng dẫn

- Tập trung đánh giá và nêu bật kết quả xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khắc phục những hạn chế, bất cập của giai đoạn trước để thực hiện hiệu quả trong giai đoạn 2021-2025

- Làm rõ những cơ chế, chính sách có tính chất đột phá nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Những khó khăn, vướng mắc cần phải khắc phục.

3. Đánh giá kết quả 05 năm thực hiện các Kết luận, Chỉ thị:

- Kết luận số 279-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/9/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về huy động nguồn lực xây dựng và phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 22/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 27/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

4. Kết quả công tác thông tin tuyên truyền

5. Kết quả công tác huy động nguồn lực giai đoạn 2021-2025, có so sánh với giai đoạn 2016-2020

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Đề nghị các sở, ngành và địa phương bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 theo các Kế hoạch của UBND tỉnh để đánh giá, cụ thể:

- Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/5/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kế hoạch số 7613/KH-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

- Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá toàn diện kết quả thực hiện và tác động của các Chương trình MTQG trong giai đoạn 2021-2025, trong đó, tập trung đánh giá những mặt được, chưa được, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình, trong đó chú trọng vào những nội dung:

- Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.
- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của các chương trình, làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện.
- Đánh giá những kết quả nổi bật của giai đoạn 2021-2025 so với giai đoạn 2016-2020 (Cơ chế chính sách, công tác chỉ đạo điều hành ở các cấp, huy động nguồn lực, sự hài lòng của người dân..).
- Đánh giá tác động của các chương trình gồm: tác động kinh tế - xã hội; tính bền vững, tác động tới các đối tượng thụ hưởng, tác động lan tỏa của Chương trình...;

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2026-2030 PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH MỚI.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

- Cấp xã: Số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (*trước mắt dựa vào các quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025*);
- Số khu dân cư được công nhận đạt NTM kiểu mẫu.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đến năm 2030 (*triệu đồng/người/năm*).

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể nhằm xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững, góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN

1. Tập trung đề xuất nội dung, giải pháp thực hiện, đặc biệt là những nội dung, giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững của các Chương trình.

2. Cơ chế chính sách huy động nguồn lực.

3. Đề xuất phương hướng kiện toàn bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện chương trình ở các cấp trong giai đoạn 2026-2030 phù hợp với việc xây dựng chính quyền 2 cấp.

4. Phát động phong trào thi đua để huy động các nguồn lực và người dân tham gia thực hiện Chương trình.

Phần thứ tư

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề xuất, kiến nghị cụ thể với Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Đề xuất, kiến nghị cụ thể với Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh... nhằm kịp thời xử lý những vấn đề cấp thiết, để góp phần xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hoá lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

PHỤ LỤC SỐ 01

VĂN BẢN TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Số TT	Số, ký hiệu	Ngày	Trích yếu nội dung	Cơ quan ban hành
1				
2				
3				
4				

PHỤ LỤC SỐ 02

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025	Kết quả huy động nguồn lực lồng ghép thực hiện Chương trình					Ghi chú
				Kết quả huy động năm 2021	Kết quả huy động năm 2022	Kết quả huy động năm 2023	Kết quả huy động năm 2024	Kết quả huy động 6 tháng đầu năm 2025	
	TỔNG CỘNG								
I	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								
1	Tỉnh								
2	Huyện								
II	VỐN TÍN DỤNG (Dự nợ cho vay nông thôn mới)								
III	VỐN DOANH NGHIỆP								
IV	HUY ĐỘNG TỪ NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG								

Phụ lục 03
TỔNG HỢP RÀ SOÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Đơn vị	Số xã	Đạt 19 tiêu chí	Đạt 15-18 tiêu chí (xã)	Đạt 10-14 tiêu chí (xã)	Đạt dưới 10 tiêu chí (xã)	Ghi chú
1	Huyện Xuân Lộc	14					
2	Thành phố Long Khánh	4					
3	Huyện Vĩnh Cửu	9					
4	Huyện Cẩm Mỹ	12					
5	Huyện Nhon Trách	11					
6	Huyện Long Thành	13					
7	Huyện Thống Nhất	9					

8	Huyện Trảng Bom	16					
9	Huyện Định Quán	13					
10	Huyện Tân Phú	15					
	Tổng	116					

8	Huyện Trảng Bom	16							
9	Huyện Định Quán	13							
10	Huyện Tân Phú	15							
	Tổng	116							

Phụ lục 04
TỔNG HỢP RÀ SOÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Đơn vị	Số xã	Đạt 19 tiêu chí	Đạt 15-18 tiêu chí (xã)	Đạt 10-14 tiêu chí (xã)	Đạt dưới 10 tiêu chí (xã)	Ghi chú
1	Huyện Xuân Lộc	14					
2	Thành phố Long Khánh	4					
3	Huyện Vĩnh Cửu	9					
4	Huyện Cẩm Mỹ	12					
5	Huyện Nhơn Trạch	11					
6	Huyện Long Thành	13					
7	Huyện Thống Nhất	9					

Phụ lục 05. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025 (6 tháng đầu năm)
1	Tổng số xã						
	Số xã đạt chuẩn NTM	xã					
	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	xã					
	Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	xã					
2	Kết quả thực hiện các lĩnh vực						
a	Nhóm quy hoạch						
-	Số xã đã hoàn thành quy hoạch	xã					
	Tỷ lệ	%					
-	Số xã đã hoàn thành quy hoạch chi tiết (dân cư, hạ tầng, sản xuất)	xã					
	Tỷ lệ	%					
b	Nhóm hạ tầng kinh tế- xã hội						
* Giao thông							
-	Số km đường giao thông được làm mới, nâng cấp	km					
		km					
-	Đường huyện quản lý được nhựa hoá, bê tông hoá	Tỷ lệ %					
		km					
-	Đường xã quản lý được nhựa hoá, bê tông hoá	Tỷ lệ %					
* Thủy lợi							
-	Số công trình thủy lợi được xây dựng, nâng cấp	CT					
-	Số km kênh mương của xã được kiên cố hóa	km					
-	Diện tích canh tác được chủ động tưới tiêu thường xuyên	ha					
-	Tổng số công trình thủy lợi trên địa bàn xã						
* Điện							
-	Số xã có hệ thống điện đạt chuẩn	xã					
	Tỷ lệ	%					
	Tỷ lệ hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%					
* Trường học							
-	Tổng số trường học các cấp (mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS)	Trường					
		Trường					
-	Số trường học các cấp (mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS) đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất	Tỷ lệ %					
		Trường					
-	Số trường học các cấp (mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS) đạt chuẩn Quốc gia	Tỷ lệ %					
-	Tổng số trường học THPT	Trường					
		Trường					
-	Số Trường THPT đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ %					

TT	Nội dung chỉ tiêu	DVT	2021	2022	2023	2024	2025 (6 tháng đầu năm)
*	Cơ sở vật chất văn hóa						
-	Số xã có Trung tâm văn hoá, thể thao, học tập cộng đồng đạt chuẩn	xã					
		Tỷ lệ %					
-	Số ấp có nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn	ấp					
		Tỷ lệ %					
*	Chợ nông thôn						
-	Số chợ theo quy hoạch đã đạt chuẩn	Chợ					
	Tỷ lệ	%					
*	Bưu chính viễn thông						
-	Số xã đạt chuẩn về bưu chính, viễn thông	xã					
		Tỷ lệ %					
c	Nhóm kinh tế và tổ chức sản xuất						
*	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/năm	tr.đ					
*	Thu nhập bình quân đầu người	tr.đ					
*	Tỷ lệ hộ nghèo						
-	Theo chuẩn Trung ương	%					
-	Theo chuẩn của tỉnh	%					
*	Lao động nông thôn						
	Tổng số người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	người					
-	Tỷ lệ người có việc làm	%					
-	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (trong đó qua đào tạo nghề)	%					
-	Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động	%					
-	Số lao động trong nông nghiệp	%					
*	Hình thức tổ chức sản xuất						
-	Số HTX Nông nghiệp	HTX					
-	Tỷ lệ HTX NN hoạt động có hiệu quả	%					
-	Số tổ hợp tác, CLB	THT, CLB					
-	Số trang trại (theo tiêu chí mới)	Tr.trại					
+	Diện tích đất bình quân trên 01 trang trại	ha					
+	Số lao động bình quân trên 01 trang trại	người					
+	Doanh thu bình quân 01 trang trại trên 01 năm	Tr đồng					
-	Số chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản	chuỗi					
d	Nhóm văn hóa, xã hội-môi trường						
*	Giáo dục						
-	Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo	%					
-	Tỷ lệ trẻ vào nhà trẻ	%					
-	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phốt thông, bổ túc, trung cấp)	%					
-	Số xã hoàn thành phổ cập THCS	xã					
		Tỷ lệ %					
*	Y tế						
-	Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	xã					
		Tỷ lệ %					
-	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ khám chữa bệnh	%					

DANH SÁCH VÀ NỘI DUNG THAM LUẬN
Tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Đơn vị	Chủ đề tham luận
I	VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện tham gia xây dựng nông thôn mới.
2	Sở Tài chính	Kết quả, giải pháp đẩy mạnh huy động hiệu quả các nguồn vốn thực hiện xây dựng nông thôn mới.
3	UBND huyện Xuân Lộc	Đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025, nhất là đề án thí điểm huyện kiểu mẫu; xác định vai trò trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền, nhất là người đứng đầu các địa phương, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chỉ thị của Ban Thường vụ về xây dựng nông thôn mới.
4	UBND huyện Thống Nhất	Phân tích, làm rõ vai trò, kết quả hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể chính trị, các cơ sở tôn giáo nhất là ở cơ sở trong tham gia xây dựng nông thôn mới thời gian qua. Những giải pháp để các đoàn thể chính trị, tổ chức tham gia có hiệu quả trong thời gian tới.
5	UBND huyện Định Quán	Kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện huyện nông thôn mới nâng cao.
6	UBND xã Phú Hòa huyện Định Quán	Kinh nghiệm, giải pháp xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp; xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu lĩnh vực môi trường
7	UBND xã Suối Cao huyện Xuân Lộc	Kết quả xây dựng vườn mẫu trong thực hiện Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững” giai đoạn 2018 – 2025

II VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG		
8	UBND huyện Tân Phú	Đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.
9	UBND xã Lang Minh huyện Xuân Lộc	Kinh nghiệm triển khai Dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng Mô hình chăn nuôi Dê thương phẩm.
10	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Xuân Lộc	Kinh nghiệm công tác tham mưu quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.
11	UBND xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc	Kinh nghiệm trong thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.
12	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Cẩm Mỹ	Kinh nghiệm công tác tham mưu quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.
III VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM		
13	Sở Khoa học Công nghệ	Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống tiêu chuẩn VietGAP, Global Gap, HACCP, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm OCOP tỉnh Đồng Nai
14	UBND huyện Xuân Lộc	Phát triển du lịch nông nghiệp - nông thôn gắn với tiêu thụ nông đặc sản và sản phẩm OCOP
15	UBND huyện Thống Nhất	Phát triển sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu đặc trưng của địa phương
16	Công Ty TNHH Dược Liệu Tâm Tâm An (huyện Trảng Bom)	Phát triển cây dược liệu gắn với chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm thông qua chương trình OCOP
17	HTX TMDVNN Xuân Định (huyện Xuân Lộc)	Thực trạng và giải pháp phát triển sản phẩm OCOP sau khi được chứng nhận